BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT

(*Dành cho sinh viên từ khóa 64*)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT

NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG

MÃ NGÀNH: 7580201

HẢI PHÒNG, 9/2023

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	**2**
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	3
1.3. Triết lý giáo dục	3
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	3
1.5. Mục tiêu của chương trình	4
1.6. Kết quả học tập dự kiến	4
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	7
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	7
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	8
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	**11**
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	11
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	18
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	22
2.4. Tóm tắt các học phần	30

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kiến trúc và nội thất do Khoa Công trình xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của Trường Đại học Bách khoa TP.HCM, Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học kiến trúc. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thực mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân chuyên ngành Kiến trúc và nội thất
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	135
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt, Tiếng Anh
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)/4,5 năm (9 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2023

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung và cho sự phát triển của ngành kiến trúc, xây dựng nói riêng.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân chuyên ngành Kiến trúc và nội thất. Những người tốt nghiệp chương trình này có khả năng thiết kế kiến trúc và nội thất, tổ chức thi công, tư vấn giám sát và quản lý các công trình xây dựng, năng động, sáng tạo trong công việc, thích ứng với mọi môi trường làm việc, có khả năng cạnh tranh với nguồn nhân lực trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương phục vụ phát triển kinh tế và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, hội nhập quốc tế.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Ký hiệu:

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)

(B) Chuẩn kiểm định ABET (Abet1 đến Abet7);

Một số chữ viết tắt:

CĐR – Chuẩn đầu ra;

CTĐT – Chương trình đào tạo;

TĐNL – Thang đo năng lực;

GDTC – Giáo dục thể chất;

GDQP-AN – Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

TT	Nội dung	Mức TĐNL	Tham chiếu Khung TĐQG, TCKĐ
1	**Kiến thức và lập luận ngành**		
1.1	***Kiến thức cơ bản***		
1.1.1	Trình bày được các quan điểm về triết học, kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	K2
1.1.2	Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng-an ninh, các kiến thức về quân sự chung.	2	K1
1.1.3	Áp dụng các kiến thức cơ bản về toán và khoa học tự nhiên trong giải quyết các vấn đề kỹ thuật.	3	K1, A1
1.2	***Kiến thức cơ sở***		
1.2.1	Áp dụng được các kiến thức cơ học, vật liệu, lịch sử, lý thuyết sáng tác kiến trúc để giải quyết các vấn đề trong kiến trúc.	3	K1, A1

1.2.2	Áp dụng được những kiến thức về hình hoạ, kết cấu, tổ chức thi công cơ bản, để xác định các thông số kết cấu và kiến trúc công trình.	3	K1, A1
1.3	***Kiến thức ngành***		
1.3.1	Áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào tổ chức hoạt động xây dựng.	3	K1, A1
1.3.2	Áp dụng kiến thức về cấu tạo kiến trúc, mỹ thuật và tin học vào thiết kế kiến trúc và nội thất.	3	K1, A1
1.4	***Kiến thức chuyên ngành***		
1.4.1	Sáng tạo được ý tưởng thiết kế nội thất, công trình và cảnh quan kiến trúc.	6	K1, K4, K5, A6
1.4.2	Lựa chọn được cấu tạo thiết kế nội thất, công trình và cảnh quan kiến trúc.	5	K1, A1
2	**Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất**		
2.1	***Kỹ năng giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất***		
2.1.1	Thực hiện chính xác các động tác điều lệnh đội ngũ, kỹ thuật chiến đấu bộ binh.	3	S1
2.1.2	Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học.	3	S1
2.2	***Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật.***		
2.2.1	Phối hợp thực hiện xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp bằng cách áp dụng các các nguyên tắc của kỹ thuật, khoa học và toán học.	4	S1, A1
3	**Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp**		
3.1	***Có khả năng làm việc theo nhóm***		
3.1.1	Phối hợp hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu	4	S1, S3, S4, S5, C1, C2, C3, C4, A5
3.2	***Có khả năng giao tiếp hiệu quả đối với nhiều đối tượng***		
3.2.1	Có trình độ tin học văn phòng đạt MOS word ≥700 và excel ≥700.	5	K3, S1, A3

3.2.2	Có trình độ Tiếng Anh đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.	3	S6, A3
4	**Thực hành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – Quá trình sáng tạo**		
4.1	***Bối cảnh bên ngoài xã hội***		
4.1.1	Kết hợp các kiến thức về lý luận chính trị và điều kiện thực tế để chứng minh chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng.	4	K2
4.2	***Bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp***		
4.2.1	Thích ứng với vị trí, vai trò và trách nhiệm của cử nhân kiến trúc và nội thất tại các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.	4	K5, S2, A4
4.3	***Ý tưởng***		
4.3.1	Làm thành thạo việc lên ý tưởng thiết kế kiến trúc.	5	K1, K3, K4, S4, C3, A7
4.4	***Thiết kế***		
4.4.1	Thiết kế hoàn chỉnh được kiến trúc và nội thất công trình.	5	K1, K3, K4, S4, C3, A7
4.5	***Thi công***		
4.5.1	Quản lý nội dung thiết kế phù hợp với thực tế thi công kiến trúc và nội thất công trình.	5	K1, K3, K4, S4, C3, A7
4.6	***Tổ chức quản lý***		
4.6.1	Thích ứng trong việc quản lý dự án kiến trúc và nội thất công trình xây dựng.	4	K1, K3, K4, K5, S4, A6

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kiến trúc và nội thất có thể làm việc tại:

- Các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, nội thất.
- Các Tổng công ty, công ty, tập đoàn Xây dựng trong và ngoài nước.
- Các Công ty Tư vấn thiết kế, lập dự án, giám sát.
- Các Sở, Ban, Ngành liên quan đến kiến trúc, xây dựng.
- Các Viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ sở đào tạo ngành nghề kiến trúc, nội thất.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: "Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn". Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá **Đạt** các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

Z = 0,5X + 0,5Y

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không

đủ điều kiện dự thi thì ghi X = 0 và Z = 0 (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4. Trường hợp Y < 4 thì Z = 0. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

Z = Y

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4.

Trường hợp Y < 4 thì Z = 0. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

Z = X

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0

Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi

2.1.1 Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 135 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (24%): 32 TC

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở (30%): 41 TC

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (27%): 36 TC

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn (10%): 13 TC

3. Thực tập và tốt nghiệp (9%): 13 TC

2.1.2 Cấu trúc chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			**32**				
1	18141	Đại số *Linear Algebra*	3	1.1.3	TU3	1	
2	18142	Giải tích *Calculus*	3	1.1.3	TU3	1	
3	18201	Vật lý 1 *General Physics 1*	3	1.1.3	TU3	1	
4	11401	Pháp luật đại cương *General Laws*	2	1.1.1	T2	1	
5	19101	Triết học Mác - Lênin *Philosophy of Marxism and Leninism*	3	1.1.1; 4.1.1	T2; TU3	2	
6	18304	Hình họa-Vẽ kỹ thuật *Descriptive Geometry - Engineering Drawing*	3	1.2.2	TU3	2	
7	26206	Hóa kỹ thuật *Engineering Chemistry*	3	1.1.3	TU3	2	
8	19401	Kinh tế chính trị *Marxist - Leninist Political Economy*	2	1.1.1; 4.1.1	T2; TU3	3	19101

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
9	19501	Chủ nghĩa xã hội KH *Scientific Socialism*	2	1.1.1; 4.1.1	T2; TU3	4	19401
10	25105	Anh văn cơ bản 3 *English 3*	4	3.2.2	TU3	4	
11	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh's Ideology*	2	1.1.1; 4.1.1	T2; TU4	5	19501
12	19303	Lịch sử Đảng CS Việt Nam *History of Vietnamese Communist Party*	2	1.1.1; 4.1.1	T2; TU4	6	19101
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			**40**				
13	16647	Giới thiệu ngành KTD *Introduction of Architecture and Interior*	3	1.2.1; 2.2.1; 3.1.1; 4.2.1	TU2; TU2; IT2; TU2	1	
14	16601	Cơ sở kiến trúc *Architectural Basis*	2	1.2.1	TU3	2	
15	16238	Cơ học công trình *Mechanical Building*	3	1.2.2	TU3	2	
16	16603	Mỹ thuật 1 *Fine Arts 1*	2	1.2.2	TU3	2	
17	16605	Chuyên đề công trình nhỏ *Special Subject: Small Housing*	2	1.3.1	TU3	2	
18	16663	Lịch sử kiến trúc và PCNT *History of Architecture and Interior*	2	1.2.1	TU3	3	
19	16610	Lý thuyết sáng tác kiến trúc *Theories of Architectural Design*	2	1.2.1	TU3	3	
20	16132	Vẽ kỹ thuật AutoCad *Autocad Drawing*	2	1.2.2	TU3	3	18304
21	16403	Vật liệu xây dựng *Construction Materials*	2	1.2.1	TU3	3	
22	16616	Thiết kế nhanh 1 *Quick Design 1*	2	1.3.1	TU3	3	16601

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
23	16647	Hình họa trong kiến trúc và NT *Descriptive Geometry Application in Architecture*	2	1.2.2	TU3	3	
24	16606	Mỹ thuật 2 *Fine Arts 2*	2	1.2.2	TU3	3	16603
25	16687	Cấu tạo KT và đồ đạc nội thất *Architectural Structure*	2	1.2.1; 3.1.1	TU3; TU3	4	
26	16694	Thiết kế nhanh 2 *Quick Design 2*	2	1.3.1	TU3	5	16616
27	16650	Kết cấu CT xây dựng DD và CN *Construction Structure*	3	1.2.2	TU3	5	
28	16646	Kiến trúc bền vững *Sustainable Architecture*	2	1.3.1	TU3	6	
29	16636	Vật lý kiến trúc *Physical Architecture*	2	1.2.2	TU2	6	
30	16618	Kỹ thuật thi công công trình *Construction Engineering*	3	1.2.2	TU3	7	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			**37**				
31	16608	Tin học ƯD trong kiến trúc *Applied Computer in Architecture*	2	1.3.2	TU3	4	16601
32	16688	Kiến trúc CT dân dụng *Civil Architecture*	3	1.4.1; 2.2.1	TU3; TU3	4	
33	16698	Kiến trúc công nghiệp *Industrial Architecture*	3	1.4.2	TU3	4	
34	16633	TK nội thất và TTB công trình *Interior Design*	4	1.4.1; 4.2.1	TU3; TU3	5	
35	16658	CĐ trường học và nội thất CTGD *Education Buildings and Construction Equipment*	2	1.3.1; 4.2.1	TU3; TU3	5	
36	16614	Chuyên đề công trình thể thao *Sports Project*	2	1.3.1	TU3	6	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
37	16680	Ứng dụng BIM trong Kiến trúc *Bim Application in Architecture*	2	1.3.2; 4.5.1	TU3; TU3	6	
38	16645	Kiến trúc công cộng và NT *Public Architecture and Interior*	3	1.3.2; 4.3.1; 4.4.1; 4.6.1	TU3; TU4; TU3; TU3	6	
39	16654	Quy hoạch đơn vị ở *Residential Unit Planning*	3	1.4.1	TU5	6	
40	16686	CĐ nội thất CTTM và dịch vụ *Commercial and Service Furniture*	2	1.3.1; 4.2.1	TU3; TU4	7	
41	16615	Chuyên đề nhà ở cao tầng *High-Rise Housing*	2	1.3.1; 4.4.1	TU3; TU4	7	
42	16656	Chuyên đề nội thất tổng hợp *General Furniture*	4	1.4.1; 4.5.1; 4.6.1	TU6; TU4; TU4	7	
43	16626	Sinh thái và quy hoạch MTĐT *Ecology and Urban Planning*	3	1.4.2; 4.3.1	TU4; TU5	7	
44	16659	Chuyên đề kiến trúc công nghiệp *Special Subject: Industrial Building*	2	1.3.2	TU3	7	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			**13/36**				
45	29101	Kỹ năng mềm 1 *Soft Skill 1*	2			1	
46	26101	Môi trường và bảo vệ MT *Environment and Environment Protection*	2			1	
47	16619	Điêu khắc và tạo hình kiến trúc *Sculpture and Architectural Shaping*	2			1	
48	25101	Anh văn cơ bản 1 *English 1*	3			2	
49	17102	Tin học văn phòng *Microsoft Office*	3			2	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
50	25102	Anh văn cơ bản 2 *English 2*	3			3	
51	28215	Quản trị doanh nghiệp *Business Management*	3			3	
52	16653	Chuyên đề nhà ở thấp tầng *Theme of Low-Rise Housing*	2			4	
53	16613	Bảo tồn di sản kiến trúc *Preserving Architectural Heritage*	2			4	
54	16662	Vẽ kỹ thuật xây dựng *Drawing Construction Techniques*	2			4	
55	16649	Lịch sử mỹ thuật *Art History*	2			5	
56	16664	Vật liệu hoàn thiện nội thất *Interior Finishing Materials*	2			5	
57	29102	Kỹ năng mềm 2 *Soft Skill 2*	2			6	
58	28253	Khởi nghiệp sáng tạo *Creative Start-Up*	2			6	
59	16612	Nguyên lý kiến trúc cảnh quan *Principles of Landscape Architecture*	2			7	
60	16250	An toàn lao động *Labour Safety*	2			7	
THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP			**13**				
61	16629	Thực tập vẽ ghi *Practice Drawing*	2	3.1.1; 4.2.1	U3; U3	5	
62	16630	Thực tập tham quan kiến trúc *Architectural Tour Practice*	2	3.1.1	U4	5	
63	16657	Thực tập tốt nghiệp *Graduation Training*	3	4.2.1	U4	8	16656

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
64	16638	Đồ án tốt nghiệp *Graduation Thesis*	6	1.4.1; 1.4.2; 2.2.1; 4.4.1; 4.5.1	U6; U5; U4; U5; U5	8	
65	16684	CĐ1: Lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình *Topic 1: Selection Of Architecture Design Proposal*	3	1.4.1; 1.4.2; 2.2.1; 4.4.1; 4.5.1	U6; U5; U4; U5; U5	8	
66	16689	CĐ2: Lựa chọn phương án thiết kế nội thất *Topic 2: Selection Of Interior Design Proposal*	3	1.4.1; 1.4.2; 2.2.1; 4.4.1; 4.5.1	U6; U5; U4; U5; U5	8	
VI. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			**13**				
VI.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy) *Physical Education*			4/7	2.1.2	TU3		
67	27101	Bơi lội *Swimming*	1	2.1.2	TU3		
68	27102	Điền kinh *Running*	1	2.1.2	TU3		
69	27103	Thể thao hàng hải *Maritime Sport*	1	2.1.2	TU3		
70	27201	Bóng chuyền *Volleyball*	1	2.1.2	TU3		
71	27202	Cầu lông *Badminton*	1	2.1.2	TU3		
72	27203	Bóng rổ *Basketball*	1	2.1.2	TU3		
73	27204	Bóng đá *Football*	1	2.1.2	TU3		
VI.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy) *National Defense Education*			9	1.1.2	T2		

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
74	24103	Đường lối QPAN và ĐCS Việt Nam *National Defense and Security Policy of The Vietnamese Communist Party*	3	1.1.2	T2		
75	24102	Công tác QPAN *Defense and Security Work*	2	1.1.2	T2		
76	24203	Quân sự chung *General Military*	2	1.1.2	T2		
77	24204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật *Infantry Fighting Techniques and Tactics*	2	2.1.2	TU3		

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi

2.2.1Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ

Học kỳ	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	CĐR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																				
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	3.1.1	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.3.1	4.4.1	4.5.1	4.6.1
1	18141	Đại số			TU3																		
	18142	Giải tích			TU3																		
	18201	Vật lý 1			TU3																		
	11401	Pháp luật đại cương	T2																				
	16647	Giới thiệu ngành KTD				TU2								TU2	IT2				TU2				
2	19101	Triết học Mác - Lênin	T2															TU3					
	18304	Hình họa-Vẽ kỹ thuật					TU3																
	16601	Cơ sở kiến trúc				TU3																	
	16238	Cơ học công trình				TU3																	
	16603	Mỹ thuật 1					TU3																
	26206	Hóa kỹ thuật			TU3																		
	16605	Chuyên đề công trình nhỏ						TU3															
3	16663	Lịch sử kiến trúc và PCNT				TU3																	
	16610	Lý thuyết sáng tác kiến trúc				TU3																	
	16132	Vẽ kỹ thuật AutoCad					TU3																
	16403	Vật liệu xây dựng				TU3																	
	16616	Thiết kế nhanh 1						TU3															

	19401	Kinh tế chính trị	T2															TU3					
	16647	Hình họa trong kiến trúc và NT					TU3																
	16606	Mỹ thuật 2					TU3																
4	16608	Tin học ƯD trong kiến trúc							TU3														
	16688	Kiến trúc CT dân dụng								TU3				TU3									
	16698	Kiến trúc công nghiệp									TU3												
	19501	Chủ nghĩa xã hội KH	T2															TU3					
	25105	Anh văn cơ bản 3															TU3						
	16687	Cấu tạo KT và đồ đạc nội thất				TU3									TU3								
5	16694	Thiết kế nhanh 2						TU3															
	16633	TK nội thất và TTB công trình								TU4									TU3				
	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	T2															TU4					
	16658	CĐ trường học và nội thất CTGD						TU3												TU3			
	16650	Kết cấu CT xây dựng DD và CN					TU3								TU4								
	16629	Thực tập vẽ ghi													U3				U3				
	16630	Thực tập tham quan kiến trúc													U4								
6	16614	Chuyên đề công trình thể thao						TU3															
	16680	Ứng dụng BIM trong Kiến trúc							TU3													TU3	
	16646	Kiến trúc bền vững						TU3															
	16645	Kiến trúc công cộng và NT							TU3											TU4	TU3		TU3
	19303	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	T2															TU4					
	16636	Vật lý kiến trúc					TU3																

	16654	Quy hoạch đơn vị ở								TU5													
7	16686	CĐ nội thất CTTM và dịch vụ						TU3											TU4				
	16618	Kỹ thuật thi công công trình					TU3																
	16615	Chuyên đề nhà ở cao tầng						TU3													TU4		
	16656	Chuyên đề nội thất tổng hợp								TU6												TU4	TU4
	16626	Sinh thái và quy hoạch MTĐT									TU4									TU5			
	16659	Chuyên đề kiến trúc công nghiệp							TU3														
8	16657	Thực tập tốt nghiệp																	U4				
	16638	Đồ án tốt nghiệp								U6	TU5			TU4							TU5	TU5	
	16684	CĐ1: LCPATK kiến trúc								U6	TU5			TU4							TU5	TU5	
	16689	CĐ2: LCPATK nội thất								U6	TU5			TU4							TU5	TU5	
		Chứng chỉ GDTC											TU3										
		Chứng chỉ GDQP		T2								TU3											
		Chứng chỉ ngoại ngữ															U3						
		Chứng chỉ tin học văn phòng														U5							

2.2.2 Đánh giá năng lực của sinh viên

	CĐR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																				
Học kỳ	**1.1.1**	**1.1.2**	**1.1.3**	**1.2.1**	**1.2.2**	**1.3.1**	**1.3.2**	**1.4.1**	**1.4.2**	**2.1.1**	**2.1.2**	**2.2.1**	**3.1.1**	**3.2.1**	**3.2.2**	**4.1.1**	**4.2.1**	**4.3.1**	**4.4.1**	**4.5.1**	**4.6.1**
1	**T2**		**TU3**	**IT2**									**IT2**				**TU2**				
2	**T2**		**TU3**	**TU3**	**TU3**	**TU3**										**TU3**					
3	**T2**			**TU3**	**TU3**	**TU3**										**TU3**					
4	**T2**			**TU3**			**TU3**	**TU3**	**TU3**			**TU3**			**TU3**	**TU3**	**TU3**				
5	**T2**				**TU3**	**TU3**		**TU4**					**U4**			**TU4**	**U3**	**TU3**			
6	**T2**				**TU3**	**TU3**	**TU3**	**TU6**								**TU4**		**TU4**	**TU3**	**TU3**	**TU3**
7					**TU3**	**TU3**	**TU3**	**TU6**	**TU4**								TU4	**TU5**	**TU4**	**TU4**	**TU4**
8								**U6**	**TU5**			**TU4**					**U4**		**TU5**	**TU5**	
		T2								**TU3**	**TU3**			**U5**	**U3**						
	T2	**T2**	**TU3**	**TU3**	**TU3**	**TU3**	**TU3**	**TU6**	**TU5**	**TU3**	**TU3**	**TU4**	**TU4**	**TU5**	**TU3**	**TU4**	**TU4**	**TU5**	**TU5**	**TU5**	**TU4**

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Hệ chính quy (8 kỳ)

Năm 1

Kỳ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	18141	Đại số	3	45				I	
2	18142	Giải tích	3	45				I	
3	18201	Vật lý 1	3	45				I	
4	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
5	16647	Giới thiệu ngành KTD	3	30	30			I	
Tự chọn									
1	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	
2	26101	Môi trường và bảo vệ MT	2	30				I	
3	16619	Điêu khắc và tạo hình kiến trúc	2	30				I	

Kỳ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***18***						
1	19101	Triết học Mác - Lênin	3	45				I	
2	18304	Hình họa-Vẽ kỹ thuật	3	45				I	
3	16601	Cơ sở kiến trúc	2	30				I	
4	16238	Cơ học công trình	3	45				I	
5	16603	Mỹ thuật 1	2	30				I	
6	26206	Hóa kỹ thuật	3	45				I	
7	16605	Chuyên đề công trình nhỏ	2	30				I	
Tự chọn									
1	25101	Anh văn cơ bản 1	3	45				I	
2	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

Năm 2

Kỳ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***16***						
1	19401	Kinh tế chính trị	2	30				I	19101
2	16663	Lịch sử kiến trúc và PCNT	2	30				I	
3	16610	Lý thuyết sáng tác kiến trúc	2	30				I	
4	16132	Vẽ kỹ thuật AutoCad	2	30				I	18304
5	16403	Vật liệu xây dựng	2	30				I	
6	16616	Thiết kế nhanh 1	2	30				I	16601
7	16647	Hình họa trong kiến trúc và NT	2	30				I	
8	16606	Mỹ thuật 2	2	30				I	16603
Tự chọn									
1	25102	Anh văn cơ bản 2	3	60				I	
2	28215	Quản trị doanh nghiệp	3	60				I	

Kỳ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***16***						
1	19501	Chủ nghĩa xã hội KH	2	30				I	19401
2	25105	Anh văn cơ bản 3	4	60				I	
3	16687	Cấu tạo KT và đồ đạc nội thất	2	30				I	
4	16608	Tin học ƯD trong kiến trúc	2	15	30			I	16601
5	16688	Kiến trúc CT dân dụng	3	30		15		I	
6	16698	Kiến trúc công nghiệp	3	30		15		I	
Tự chọn									
1	16653	Chuyên đề nhà ở thấp tầng	2	30				I	
2	16613	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30				I	
3	16662	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2	30				I	

Năm 3

Kỳ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***17***						
1	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				I	
2	16694	Thiết kế nhanh 2	2	30				I	
3	16650	Kết cấu CT xây dựng DD và CN	3	30		15		I	
4	16633	TK nội thất và TTB công trình	4	30			30	I	
5	16658	CĐ trường học và nội thất CTGD	2	30				I	
6	16629	Thực tập vẽ ghi	2					II	
7	16630	Thực tập tham quan kiến trúc	2					II	
Tự chọn									
1	16649	Lịch sử mỹ thuật	2	30				I	
2	16664	Vật liệu hoàn thiện nội thất	2	30				I	

Kỳ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***16***						
1	19303	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30				I	
2	16646	Kiến trúc bền vững	2	30				I	
3	16636	Vật lý kiến trúc	2	30				I	
4	16614	Chuyên đề công trình thể thao	2	30				I	
5	16680	Ứng dụng BIM trong Kiến trúc	2	30				I	
6	16645	Kiến trúc công cộng và NT	3	30		15		I	
7	16654	Quy hoạch đơn vị ở	3	30		15		I	
Tự chọn									
1	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
2	28253	Khởi nghiệp sáng tạo	2	30				I	

Năm 4

Kỳ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***16***						
1	16618	Kỹ thuật thi công công trình	3	45				I	
2	16686	CĐ nội thất CTTM và dịch vụ	2	30				I	
3	16615	Chuyên đề nhà ở cao tầng	2	30				I	
4	16656	Chuyên đề nội thất tổng hợp	4	30			30	I	
5	16626	Sinh thái và quy hoạch MTĐT	3	30		15		I	
6	16659	Chuyên đề kiến trúc công nghiệp	2	30				I	
Tự chọn									
1	16612	Nguyên lý kiến trúc cảnh quan	2	30				I	
2	16250	An toàn lao động	2	30				I	

Kỳ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***9***						
1	16657	Thực tập tốt nghiệp	3					II	16656
Tự chọn tốt nghiệp			***6/12***						
1	16638	Đồ án tốt nghiệp	6				90	II	
2	16684	CĐ1: LCPATK kiến trúc CT	3	30		15		I	
3	16689	CĐ2: LCPATK nội thất	3	30		15		I	

Hệ vừa làm vừa học (9 kỳ)

Năm 1

Kỳ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	18141	Đại số	3	45				I	
2	18142	Giải tích	3	45				I	
3	18201	Vật lý 1	3	45				I	
4	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
5	16647	Giới thiệu ngành KTD	3	30	30			I	
Tự chọn									
1	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	
2	26101	Môi trường và bảo vệ MT	2	30				I	
3	16619	Điêu khắc và tạo hình kiến trúc	2	30				I	

Kỳ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***16***						
1	19101	Triết học Mác - Lênin	3	45				I	
2	18304	Hình họa-Vẽ kỹ thuật	3	45				I	
3	16601	Cơ sở kiến trúc	2	30				I	
4	16238	Cơ học công trình	3	45				I	
5	16603	Mỹ thuật 1	2	30				I	
6	26206	Hóa kỹ thuật	3	45				I	
Tự chọn									
1	25101	Anh văn cơ bản 1	3	45				I	
2	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	

Năm 2

Kỳ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	19401	Kinh tế chính trị	2	30				I	19101
2	16610	Lý thuyết sáng tác kiến trúc	2	30				I	
3	16132	Vẽ kỹ thuật AutoCad	2	15	30			I	18304
4	16403	Vật liệu xây dựng	2	30				I	
5	16616	Thiết kế nhanh 1	2	30				I	16601
6	16647	Hình họa trong kiến trúc và NT	2	30				I	
7	16605	Chuyên đề công trình nhỏ	2	30				I	
Tự chọn									
1	25102	Anh văn cơ bản 2	3	60				I	
2	28215	Quản trị doanh nghiệp	3	60				I	

Kỳ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	19501	Chủ nghĩa xã hội KH	2	30				I	19401
2	25105	Anh văn cơ bản 3	4	60				I	
3	16687	Cấu tạo KT và đồ đạc nội thất	2	30				I	
4	16608	Tin học ƯD trong kiến trúc	2	15	30			I	16601
5	16606	Mỹ thuật 2	2	30				I	16603
6	16663	Lịch sử kiến trúc và PCNT	2	30				I	
Tự chọn									
1	16653	Chuyên đề nhà ở thấp tầng	2	30				I	
2	16613	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30				I	
3	16662	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2	30				I	

Năm 3

Kỳ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				I	
2	16694	Thiết kế nhanh 2	2	30				I	
3	16650	Kết cấu CT xây dựng DD và CN	3	30		15		I	
4	16658	CĐ trường học và nội thất CTGD	2	30				I	
5	16629	Thực tập vẽ ghi	2					II	
6	16698	Kiến trúc công nghiệp	3	30		15		I	
Tự chọn									
1	16649	Lịch sử mỹ thuật	2	30				I	
2	16664	Vật liệu hoàn thiện nội thất	2	30				I	

Kỳ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	19303	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30				I	
2	16646	Kiến trúc bền vững	2	30				I	
3	16636	Vật lý kiến trúc	2	30				I	
4	16614	Chuyên đề công trình thể thao	2	30				I	
5	16680	Ứng dụng BIM trong Kiến trúc	2	30				I	
6	16633	TK nội thất và TTB công trình	4	30			30	I	
Tự chọn									
1	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
2	28253	Khởi nghiệp sáng tạo	2	30				I	

Năm 4

Kỳ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***14***						
1	16618	Kỹ thuật thi công công trình	3	45				I	
2	16686	CĐ nội thất CTTM và dịch vụ	2	30				I	
3	16615	Chuyên đề nhà ở cao tầng	2	30				I	
4	16659	Chuyên đề kiến trúc công nghiệp	2	30				I	
5	16688	Kiến trúc CT dân dụng	3	30		15		I	
6	16630	Thực tập tham quan kiến trúc	2					II	
Tự chọn									
1	16612	Nguyên lý kiến trúc cảnh quan	2	30				I	
2	16250	An toàn lao động	2	30				I	

Kỳ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***13***						
1	16645	Kiến trúc công cộng và NT	3	30		15		I	
2	16654	Quy hoạch đơn vị ở	3	30		15		I	
3	16626	Sinh thái và quy hoạch MTĐT	3	30		15		I	
4	16656	Chuyên đề nội thất tổng hợp	4	30			30	I	

Năm 5

Kỳ 9

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			***9***						
1	16657	Thực tập tốt nghiệp	3					II	16656
Tự chọn tốt nghiệp			***6/12***						
1	16638	Đồ án tốt nghiệp	6				90	II	
2	16684	CĐ1: LCPATK kiến trúc CT	3	30		15		I	
3	16689	CĐ2: LCPATK nội thất	3	30		15		I	

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần

2.4.1 Đại số – 18141 **3TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng và véc tơ riêng của ma trận, dạng toàn phương làm cơ sở để giải quyết các vấn đề về kỹ thuật và kinh tế.

2.4.2 Giải tích – 18142 **3TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các công cụ của phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân kép, tích phân bội, tích phân đường, phương trình vi phân để giải quyết các vấn đề kĩ thuật.

2.4.3 Vật lý 1 – 18201 **3TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về cơ học và nhiệt học để tính toán các bài toán về lực, mô men lực, khối tâm, động lượng, năng lượng, quá trình biến đổi trạng thái của hệ khí và hoạt động của máy nhiệt.

2.4.4 Pháp luật đại cương – 11401 **2TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về: lý luận về nhà nước, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, lý luận về pháp luật, quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật về Phòng chống tham nhũng.

2.4.5 Triết học Mác - Lênin – 19101 **3TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

2.4.6 Hình họa-Vẽ kỹ thuật – 18304 **3TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về phương pháp biểu diễn các vật thể thực với 3 chiều kích thước bằng các hình biểu diễn phẳng chỉ có 2 chiều kích thước trên mặt phẳng bản vẽ theo các tiêu chuẩn hiện hành. Rồi từ các hình biểu diễn phẳng đọc và vẽ lại được chính xác các vật thể đã được biểu diễn.

2.4.7 Hóa kỹ thuật – 26206 **3TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về cấu tạo chất, phản ứng hóa học, các quá trình ăn mòn vật liệu và biện pháp bảo vệ; các kiến thức về nhiên liệu, dầu, mỡ bôi trơn và nước công nghiệp sử dụng cho động cơ nhằm giải quyết các vấn đề kỹ thuật. Tham gia học phần người học được áp dụng các kiến thức đã học để triển khai thực hành các bài thí nghiệm tại phòng thí nghiệm.

2.4.8 Kinh tế chính trị – 19401 **2TC**

- *Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin - 19101*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin về hàng hóa, thị trường; giá trị thặng dư; cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường và các kiến thức kinh tế

chính trị trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về đường lối xây dựng kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

2.4.9 Chủ nghĩa xã hội KH – 19501 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị - 19401*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, giúp sinh viên xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

2.4.10 Anh văn cơ bản 3 – 25105 4TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh Nghe, Nói, Đọc, Viết cùng từ vựng, ngữ pháp phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc như nhà đất, thực phẩm, thể thao, lối sống, văn hóa, giáo dục, đầu tư, môi trường làm việc.

2.4.11 Tư tưởng Hồ Chí Minh – 19201 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội KH - 19501*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần minh họa nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.4.12 Lịch sử Đảng CS Việt Nam – 19303 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin - 19101*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Từ đó, khẳng định được vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.4.13 Giới thiệu ngành KTD – 16647 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Giới thiệu cơ bản về ngành kiến trúc, cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan chung về nghề tư vấn, thiết kế kiến trúc.

2.4.14 Cơ sở kiến trúc – 16601 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về thể hiện bản vẽ kiến trúc bằng các phương pháp thể hiện khác nhau, kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế bằng các bản vẽ tay.

2.4.15 Cơ học công trình – 16238 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về nguyên lý cấu tạo hình học kết cấu công trình, về nội lực, ngoại lực, biến dạng, chuyển vị của kết cấu do các nguyên nhân khác nhau gây ra

2.4.16 Mỹ thuật 1 – 16603 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về nhân trắc học, phương pháp thể hiện hình vẽ bằng chì, bút sắt, mực nho với các nội dung: vẽ tĩnh vật và đầu tượng bằng chì, vẽ tượng chân dung bằng bút sắt, vẽ tĩnh vật bằng mực nho.

2.4.17 Chuyên đề công trình nhỏ – 16605 2TC

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về thiết kế các công trình nhỏ, sinh viên tập làm quen với việc tư duy, thể hiện, thiết kế phương án kiến trúc các công trình kiến trúc nhỏ: quán hoa, quán sách.

2.4.18 Lịch sử kiến trúc và PCNT – 16663 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về lịch sử kiến trúc, các trào lưu, trường phái kiến trúc, phong cách nội thất.

2.4.19 Lý thuyết sáng tác kiến trúc – 16610 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các thành tố dùng trong sáng tác kiến trúc như điểm, tuyến, diện, khối, các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến công trình kiến trúc như mỹ quan, kinh tế, tính bền vững, các thủ pháp thiết kế kiến trúc.

2.4.20 Vẽ kỹ thuật AutoCAD – 16132 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Hình họa-Vẽ kỹ thuật - 18304*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về tiêu chuẩn trình bày bản vẽ, các phương pháp vẽ hình cơ bản trong kỹ thuật. Đồng thời sinh viên được làm quen với phần mềm vẽ Autocad để trình bày các bản vẽ kỹ thuật.

2.4.21 Vật liệu xây dựng – 16403 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về các loại VLXD thường dùng trong xây dựng nói chung bao gồm:
- Tính chất của một số loại VLXD cơ bản như chất kết dính vô cơ, hữu cơ, kim loại, gạch đá, gỗ…
- Phương pháp tính toán thiết kế thành phần Bê tông xi măng.
- Phương pháp thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của VLXD như cường độ,độ cọ mòn, độ cứng, độ sụt, mô đun độ lớn…
- Sử dụng thành thạo một số thiết bị thí nghiệm xác định tính chất của VLXD như máy siêu âm bê tông, súng bắn bê tông, máy Đềvan, máy siêu âm cốt thép…

2.4.22 Thiết kế nhanh 1 – 16616 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Cơ sở kiến trúc - 16601*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức và kĩ năng thực hiện thiết kế kiến trúc trong thời gian ngắn các công trình kiến trúc quy mô nhỏ.

2.4.23 Hình họa trong kiến trúc và NT – 16647 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức và kỹ năng ứng dụng phương pháp vẽ hình học để thực hiện vẽ phối cảnh công trình kiến trúc.

2.4.24 Mỹ thuật 2 – 16606 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật 1 - 16603*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về vẽ sáng tác, kỹ năng vẽ tranh phong cảnh bằng màu nước, màu bột.

2.4.25 Cấu tạo KT và đồ đạc nội thất – 16687 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*

- *Nội dung học phần:* Kiến thức về cấu tạo của các chi tiết trong công trình kiến trúc, cấu tạo của các vật dụng nội thất trong công trình.

2.4.26 Thiết kế nhanh 2 – 16694 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Thiết kế nhanh 1 - 16616*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức và kĩ năng thực hiện thiết kế kiến trúc trong thời gian ngắn các công trình kiến trúc quy mô vừa.

2.4.27 Kết cấu CT xây dựng DD và CN – 16650 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các loại kết cấu công trình, tính chất cơ lý của vật liệu và nguyên lý tính toán, cấu tạo kết cấu bê tông cốt thép.

2.4.28 Kiến trúc bền vững – 16646 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về phát triển bền vững, kiến trúc bền vững, các nguyên tắc thiết kế kiến trúc bền vững thông qua giải pháp sử dụng vật liệu, năng lượng, không gian.

2.4.29 Vật lý kiến trúc – 16636 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các điều kiện môi trường khí hậu, chiếu sáng, âm thanh và sự ảnh hưởng của các yếu tố đó tới công trình kiến trúc.

2.4.30 Kỹ thuật thi công công trình – 16618 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về kỹ thuật thi công lắp ghép và cách tổ chức xây dựng, thiết kế tổng mặt bằng thi công, tính toán, lập tiến độ thi công công trình dân dụng và công nghiệp.

2.4.31 Tin học ƯD trong kiến trúc – 16608 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Cơ sở kiến trúc - 16601*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức sử dụng phần mềm SketchUp để thực hiện mô hình 3 chiều của ý tưởng thiết kế kiến trúc: cảnh quan, công trình, không gian nội thất.

2.4.32 Kiến trúc CT dân dụng – 16688 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế công trình dân dụng.

2.4.33 Kiến trúc công nghiệp – 16698 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên lý thiết kế quy hoạch và thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp.

2.4.34 TK nội thất và TTB công trình – 16633 4TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các tiêu chí, nguyên lý thiết kế nội thất và đặc điểm các loại trang thiết bị công trình.

2.4.35 CĐ trường học và nội thất CTGD – 16658 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc và nội thất công trình giáo dục.

2.4.36 Chuyên đề công trình thể thao – 16614 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế công trình thể thao.

2.4.37 Ứng dụng BIM trong Kiến trúc – 16680 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về quy trình tạo lập và quản lý những đặc trưng mô hình kỹ thuật số BIM trong thiết kế kiến trúc.

2.4.38 Kiến trúc công cộng và NT – 16645 **3TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên lý thiết kế kiến trúc và nội thất công trình công cộng.

2.4.39 Quy hoạch đơn vị ở – 16654 **3TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các tiêu chí, nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế nội thất công trình thương mại và dịch vụ.

2.4.40 CĐ nội thất CTTM và dịch vụ – 16686 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các tiêu chí, nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế nội thất công trình thương mại và dịch vụ.

2.4.41 Chuyên đề nhà ở cao tầng – 16615 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế công trình nhà cao tầng.

2.4.42 Chuyên đề nội thất tổng hợp – 16656 **4TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các tiêu chí, nguyên lý thiết kế nội thất thực hiện trong công trình có quy mô vừa.

2.4.43 Sinh thái và quy hoạch MTĐT – 16626 **3TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về sinh thái và quy hoạch môi trường đô thị.

2.4.44 Chuyên đề kiến trúc công nghiệp – 16659 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về cách thực hiện thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp.

2.4.45 Kỹ năng mềm 1 – 29101 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về khám phá bản thân, quy trình trong giao tiếp, phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn.

2.4.46 Môi trường và bảo vệ MT – 26101 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về cấu trúc và thành phần của môi trường và tài nguyên; bản chất các hiện tượng ô nhiễm, suy thoái môi trường, suy giảm tài nguyên và các

giải pháp xử lý, quản lý các sự cố này. Tham gia học phần, người học được thực hành kỹ năng làm việc nhóm để giải thích các vấn đề nóng về môi trường trong thực tế.

2.4.47 Điêu khắc và tạo hình kiến trúc – 16619 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về ý nghĩa biểu hiện của các yếu tố hình học cơ bản: điểm, tuyến, diện, khối, các cách tổ hợp, liên kết giữa chúng.

2.4.48 Anh văn cơ bản 1 – 25101 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh Nghe, Nói, Đọc, Viết cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc bản thân, gia đình, người nổi tiếng, kế hoạch tương lai, giấc mơ, địa điểm yêu thích.

2.4.49 Tin học văn phòng – 17102 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức, kỹ năng cơ bản về soạn thảo và định dạng văn bản với MS Word, thao tác và xử lý dữ liệu trên bảng tính với MS Excel từ đó hình thành cho sinh viên các kỹ năng để có thể làm việc trên văn bản và bảng tính.

2.4.50 Anh văn cơ bản 2 – 25102 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức tập trung vào 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh Nghe, Nói, Đọc, Viết cùng từ vựng, ngữ pháp tương ứng phục vụ các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc như trường học, thể thao, sức khỏe, động vật, tự nhiên, phát minh.

2.4.51 Quản trị doanh nghiệp – 28215 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp: các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

2.4.52 Chuyên đề nhà ở thấp tầng – 16653 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các tiêu chí, nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế nhà ở thấp tầng.

2.4.53 Bảo tồn di sản kiến trúc – 16613 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các nguyên tắc và tiêu tiêu chí bảo tồn di sản kiến trúc.

2.4.54 Vẽ kỹ thuật xây dựng – 16662 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các tiêu chí, nguyên tắc, yêu cầu thực hiện bản vẽ kỹ thuật trong xây dựng, kiến trúc.

2.4.55 Lịch sử mỹ thuật – 16649 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về lịch sử mỹ thuật, các trào lưu, trường phái mỹ thuật.

2.4.56 Vật liệu hoàn thiện nội thất – 16664 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về đặc điểm, tính chất các loại vật liệu dùng trong không gian nội thất.

2.4.57 Kỹ năng mềm 2 – 29102 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về việc xác định mục tiêu nghề nghiệp, cách thức xây dựng một bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhằm gây ấn tượng với nhà tuyển dụng, nắm được kỹ năng trả lời phỏng vấn đạt hiệu quả cao; đồng thời có khả năng quản lý tốt công việc của bản thân.

2.4.58 Khởi nghiệp sáng tạo – 28253 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức: lập kế hoạch, phát triển ý tưởng, sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Từ đó khuyến khích người học tham gia vào kinh doanh với vai trò nhân viên hoặc chủ sở hữu.

2.4.59 Nguyên lý kiến trúc cảnh quan – 16612 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về không gian cảnh quan thông dụng, các đặc điểm, loại hình thiết kế cảnh quan, nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế cảnh quan.

2.4.60 An toàn lao động – 16250 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các vấn đề: bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, các tai nạn thường gặp khi thi công tại công trường trong ngành xây dựng và biện pháp phòng chống.

2.4.61 Thực tập vẽ ghi – 16629 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Hướng dẫn thực hiện việc đo, vẽ lại bản vẽ kiến trúc phần hiện trạng của một công trình kiến trúc một cách trung thực, chính xác.

2.4.62 Thực tập tham quan kiến trúc – 16630 **2TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Hướng dẫn thực hiện trải ngiệm nhóm thăm quan các di tích, không gian kiến trúc.

2.4.63 Thực tập tốt nghiệp – 16638 **3TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Chuyên đề nội thất tổng hợp - 16656*
- *Nội dung học phần:* Hướng dẫn hệ thống lại kiến thức, kỹ năng đã học bằng việc tham gia làm việc trong môi trường các đơn vị tư vấn, thiết kế kiến trúc.

2.4.64 Đồ án tốt nghiệp – 16638 **6TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Hướng dẫn hệ thống lại kiến thức, kỹ năng đã học bằng việc thực hiện thiết kế hoàn chỉnh một kiến trúc có quy mô lớn.

2.4.65 CĐ1: Lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình – 16684 **3TC**
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức thực hiện phương án thiết kế kiến trúc công trình phù hợp với các yêu cầu thực tiễn.

2.4.66 CĐ2: Lựa chọn phương án thiết kế nội thất – 16689 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức thực hiện phương án thiết kế nội thất phù hợp với các yêu cầu thực tiễn.

2.4.67 Bơi lội – 27101 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về luật bơi lội, phương pháp tổ chức, phòng ngừa chấn thương, phòng chống đuối nước và động tác kỹ thuật bơi lội.

2.4.68 Điền kinh – 27102 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về lịch sử, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và động tác kỹ thuật chạy ở các cự ly khác nhau.

2.4.69 Thể thao hàng hải – 27103 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức thực hiện động tác kỹ thuật vòng quay lớn, vòng quay nhỏ, cầu sóng, thang quay, dàn thể lực; các nguyên tắc an toàn, phương pháp tổ chức thi đấu và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.

2.4.70 Bóng chuyền – 27201 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và động tác kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng.

2.4.71 Cầu lông – 27202 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về các động tác kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay, đánh cầu cao sâu lốp cầu, di chuyển đơn bước, di chuyển đa bước; cung cấp kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông, phương pháp tổ chức, phòng chống chấn thương trong tập luyện.

2.4.72 Bóng rổ – 27203 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu, cách thức phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và kỹ thuật chuyền bóng, dẫn bóng, ném rổ bằng một tay trên vai, hai bước lên rổ.

2.4.73 Bóng đá – 27204 1TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức về luật bóng đá, cách thức rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn; động tác kỹ thuật đỡ bóng, dẫn bóng, đá bóng bằng lòng, đá mu, ném biên, và đánh đầu.

2.4.74 Đường lối QPAN và ĐCS Việt Nam – 24103 3TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2.4.75 Công tác QPAN – 24102 2TC
- *Điều kiện tiên quyết: Không*

- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, phòng chống vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội.

2.4.76 Quân sự chung – 24203 2TC

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, kỹ năng quân sự và an ninh cần thiết trước thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

2.4.77 Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật – 24204 2TC

- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Nội dung học phần:* Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là học phần thuộc khối kỹ năng, kiến thức Giáo dục quốc phòng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về bắn súng Tiểu liên AK; cách sử dụng lựu đạn, chiến thuật từng người trong chiến đấu và canh gác.